

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 26 tháng 02 năm 2020
V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Kim Dung

2. Bà Nguyễn Thị Lan Ka

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 690/2019/TLST – HN&GD ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Thanh H**, sinh năm 1975; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: số 68 khu lao động N, phường P, quận B, thành phố Hà Nội;

- Bị đơn: Anh **Vũ Thế H**, sinh năm 1962; Hộ khẩu thường trú: số 22 đường 19, phường P, quận B, thành phố Hà Nội và nơi ở: số 16 ngách 44/44 phố P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

(Chị H có mặt, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị Thanh H trình bày như sau:

Chị Hà Thị Thanh H và anh Vũ Thế H có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 10 năm 2009 tại UBND phường P, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại số 22 đường 19, phường P, quận B, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy

ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2014 đến nay. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh H, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nhà ở: Chị H xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo về nhà ở.

- Về khoản nợ: Chị H xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau. Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn là anh Vũ Thế H nhưng anh H vắng mặt tại các buổi hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Chuyển thông báo thụ lý vụ án, các quyết định đến Viện kiểm sát và các tổng đạt cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175; Điều 191; Điều 195; Điều 196; Điều 199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời gian chuẩn bị xét xử đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220; điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51; Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 42; Điều 58; 63; 70 và Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 42; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H;

- Về tài sản chung và nhà ở: Chị H xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị tự lo về nhà ở.

- Về khoản nợ: Chị H xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau. Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được cho anh chị, vì vậy Tòa án áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Thanh H và anh Vũ Thế H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2014 đến nay. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh H, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

[3] Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tại địa phương nơi vợ chồng chung sống. Ông Phạm Thanh Q – Tổ trưởng tổ dân phố số 05, phường P, quận B, thành phố Hà Nội cho biết: Chị Hà Thị Thanh H và anh Vũ Thế H đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 10 năm 2009 tại UBND phường P, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại số 22 đường 19, phường P, quận B, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, tổ dân phố thấy có phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay chị H và anh H không còn sống chung tại địa chỉ số 22 đường 19, phường P. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung và nhà ở: Tổ dân phố không nắm rõ về vấn đề tài sản chung và nhà ở của vợ chồng. Về khoản nợ: Tổ dân phố không nắm rõ vấn đề vay nợ của vợ chồng.

[4] Tòa án cũng tiến hành ghi ý kiến gia đình của bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1947; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: số 68 khu lao động N, phường P, quận B, thành phố Hà Nội là mẹ đẻ của chị Hà Thị Thanh H. Qua trao đổi bà Quý cho biết: Cháu Hà Thị Thanh H và cháu Vũ Thế H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào 22 tháng 10 năm 2009 tại UBND phường P, quận B, thành phố Hà Nội. Từ khoảng tháng 12 năm 2014 trở lại đây hai cháu luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Gia đình tôi đã biết mâu thuẫn của hai cháu và đã giảng hòa nhưng không có kết quả. Hiện nay hai cháu đã sống ly thân, cháu Hường hiện đang sinh sống cùng chúng tôi tại số 68 khu lao động N, phường P, quận B, thành phố Hà Nội. Vì hai cháu không tình cảm nên đề nghị tòa án giải quyết cho hai cháu được ly hôn. Về con chung: Vợ chồng không có con chung không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nhà ở: Quan điểm của gia đình để hai cháu tự quyết định. Về khoản nợ: Gia đình chúng tôi xác nhận không vay nợ hai cháu và hai cháu cũng không vay nợ gì gia đình chúng tôi.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Tòa án cũng đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ tuy nhiên không có kết quả vì anh H vắng mặt. Anh chị cũng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2014 thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về con chung: Vợ chồng không có con chung không yêu cầu giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nhà ở: Chị H xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị tự lo về nhà ở.

- Về khoản nợ: Chị H xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau. Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm;

[10] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ và nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ các Điều 28, Điều a Khoản 1 Điều 35, Điều 39: Điều 70; Khoản 4 Điều 147; các Điều 203; Điều b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị Thanh H;

Chị **Hà Thị Thanh H** được ly hôn với anh **Vũ Thế H**.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nhà ở: Chị H xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị tự lo về nhà ở.

- Về khoản nợ: Chị H xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau. Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hà Thị Thanh H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số **24085** ngày 26 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 26 tháng 02 năm 2020. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường nơi bị đơn cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi Cục THA dân sự quận B;
- UBND phường P, quận B, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.